

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2019/HS-ST

Ngày 25 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Oanh

Ông Nguyễn Hồng Diện

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Mai Thắm, Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân P, sinh ngày 14 tháng 10 năm 1993 tại huyện Y, tỉnh Nam Định; nơi đăng ký HKTT: Số 126 A, đường K, tổ dân phố B, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng, nơi cư trú: Tổ 12, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; có vợ là Phùng Mỹ L, sinh năm 1997, chưa có con; tiền án: Không; tiền sự: có 03 tiền sự, ngày 16/01/2018 bị Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau, hình thức xử phạt tiền với số tiền là 750.000đ. Ngày 05/12/2018 bị Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi có lời nói, cử chỉ thô bạo, khiêu khích, xúc phạm danh dự nhân phẩm của người khác, hình thức xử phạt tiền với số tiền là 200.000đ. Ngày 02/9/2019, bị Công an tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12/12/2018 tạm giam đến ngày 08/01/2019 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn: Bảo Lĩnh. Ngày 06/5/2019 bị cáo bị bắt tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1992, nơi cư trú: Tổ 9, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
2. Bà Mai Thị L, sinh năm 1978, nơi cư trú: Tổ 3, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
3. Bà Đỗ Kim L, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 06, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
4. Ông Phạm Đức H, sinh năm 1983, nơi cư trú: thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
5. Ông Mai Văn T, sinh năm 1993, nơi cư trú: Khu N, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
6. Ông Phạm Ngọc S, sinh năm 1996, nơi cư trú: Khu N, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
7. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974, nơi cư trú: Tổ 07, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
8. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978, nơi cư trú: Tổ 07, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
9. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1982, nơi cư trú: Tổ 03, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
10. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1979, nơi cư trú: Tổ 03, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
11. Bà Vương Kiều A, sinh năm 1983, nơi cư trú: Tổ 09, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
12. Bà Nông Thị Mai A, sinh năm 1986, nơi cư trú: Tổ 10, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
13. Ông Vũ Đức T, sinh năm 1988, nơi cư trú: Thôn T, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
14. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1976, nơi cư trú: Tổ 09, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
15. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1990, nơi cư trú: Thôn T, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
16. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1984, nơi cư trú: Tổ 01, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
17. Ông Vương Quốc H, sinh năm 1972, nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
18. Bà Đặng Thị T, sinh năm 1956, nơi cư trú: Tổ 06, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
19. Ông Phạm Thanh Q, sinh năm 1988, nơi cư trú: Tổ 05, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do

20. Ông Vũ Xuân T, sinh năm 1994, nơi cư trú: Tổ 07, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
21. Ông Nguyễn Quyết T, sinh năm 1983, nơi cư trú: Khu V, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
22. Ông Vũ Sơn T, sinh năm 1990, nơi cư trú: Tổ 02, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
23. Ông Mạc Đình D, sinh năm 1992, nơi cư trú: Tổ 08, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
24. Bà Trương Thị P, sinh năm 1979, nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
25. Bà Đinh Hồng H, sinh năm 1992, nơi cư trú: Tổ 01, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
26. Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1986, nơi cư trú: Tổ 05, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
27. Ông Đào Duy T, sinh năm 1985, nơi cư trú: Khu V, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
28. Ông Lý Thành T, sinh năm 1986, nơi cư trú: Tổ 01, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
29. Ông Nguyễn Tuấn L, sinh năm 1987, nơi cư trú: Khu X, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
30. Ông Vũ Thế C, sinh năm 1985, nơi cư trú: Khu , xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
31. Ông Dư Vĩnh T, sinh năm 1989, nơi cư trú: Khu V, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
32. Ông Trương Thành K, sinh năm 1984, nơi cư trú: Khu V, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
33. Bà Trịnh Kim D, sinh năm 1972, nơi cư trú: Tổ 03, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
34. Bà Lê Trâm A, sinh năm 1995, nơi cư trú: Tổ 03, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
35. Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1982, nơi cư trú: Khu X, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
36. Ông Lý Thế H, sinh năm 1976, nơi cư trú: Tổ 10, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
37. Ông Nguyễn Hồng M, sinh năm 1981, nơi cư trú: thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do
38. Ông Hoàng Minh H, sinh năm 1988, nơi cư trú: Tổ 14, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do

39. Ngân hàng V, địa chỉ: phường B, Quận C, Thành phố A. Người đại diện theo pháp luật là ông Hà Trọng V - Tổng giám đốc Ngân hàng V. Người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị Thu H - Giám đốc Trung tâm H - Ngân hàng V. Người được bà Trần Thị Thu H cử đại diện tham gia tố tụng là ông Nguyễn Thành H sinh năm 1985, cư trú tại: Tổ 15, phường Y, quận H, thành phố A, Có mặt

40. Bà Phùng Mỹ L, sinh năm 1997, nơi cư trú: Tổ 12, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do

41. Ông Chương Quốc H, sinh năm 1989, nơi cư trú: thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do

42. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1983, nơi cư trú: tổ 14, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do

Người làm chứng:

1. Ông Tống Ngọc T, sinh năm 1997. Vắng mặt không có lý do
2. Ông Nguyễn Quang B, sinh năm 1974. Có mặt
3. Ông Đặng Ngọc H, sinh năm 1987. Vắng mặt không có lý do
4. Ông Phạm Thế Đ, sinh năm 2000. Vắng mặt không có lý do
5. Ông Trương Đức T, sinh năm 2001. Vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 35 phút, ngày 12/12/2018, Công an huyện Bắc Quang lập biên bản bắt người phạm tội quả tang tại tổ 11, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang đối với Nguyễn Xuân P, sinh năm 1993, nơi cư trú: Tổ 12, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang và Tống Ngọc T, sinh năm 1997, nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang do có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, quá trình kiểm tra đã phát hiện và thu giữ 01 túi nilon màu trắng, bên ngoài có dán một mảnh giấy trắng, trên mảnh giấy có ghi chữ “Biểu anh H, xã T 0388.602.686 H”, tiến hành kiểm tra bên trong túi có 01 túi nilon màu trắng trong suốt, bên trong túi có chứa búp chè khô, tiến hành kiểm tra các búp chè khô phát hiện có 01 túi nilon màu trắng bên trong có 07 túi nilon màu trắng chứa các hạt dạng tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy đá). Tổ công tác đã đánh thứ tự ký hiệu các gói lần lượt từ A1 đến A7 cho vào 01 phong bì ký hiệu M1. Ngoài ra, còn thu giữ 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphon màu trắng - vàng, máy cũ đã qua sử dụng .

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang ra lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở và xe ô tô của Nguyễn Xuân P ở Tổ 12, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Quá trình khám xét đã thu giữ: 01 quyển sổ tay có bìa màu vàng, ngoài bìa có in chữ "CK2", bên trong có ghi nhiều chữ số; 01 giấy vay tiền đứng tên Phạm Thị T; 12 quyển sổ quỹ tiền mặt (trong đó có 03 quyển bên trong có viết chữ và số, còn 09 quyển

chưa viết nội dung gì); 07 giấy vay tiền gồm: 01 giấy vay tiền đứng tên Nguyễn Thị N, 02 giấy vay tiền đứng tên Nguyễn Thị Thu T, 01 giấy vay tiền đứng tên Trần Văn H, 01 giấy vay tiền đứng tên Nguyễn Văn H, 01 giấy vay tiền đứng tên Phùng Văn Q, 01 giấy vay tiền đứng tên Đỗ Trọng T và 01 hợp đồng cầm đồ đứng tên Nguyễn Xuân L, một tờ giấy kẻ ô li có viết nội dung "Tôi Chuyên cầm hộ tiền cho anh Phạm Đức H số tiền 5 triệu đồng (5.000.000đ)" có chữ ký của C.

Khám xét trên xe ô tô, nhãn hiệu MazDa 3, màu sơn trắng, biển kiểm soát 15A - 363.40 của Nguyễn Xuân P phát hiện và thu giữ bên trong cốp phụ trên ghế trước 02 viên nén (dạng thuốc tân dược) màu xanh nghi là ma túy, tiền hành niêm phong 02 viên nén trên kí hiệu A7, A8 vào một phong bì dán kín kí hiệu M2.

Quá trình điều tra Nguyễn Xuân P thừa nhận bản thân đã sử dụng ma túy từ đầu năm 2018, loại ma túy thường dùng là Kentamine, hình thức sử dụng là hít vào cơ thể. Đối với 07 túi nilon màu trắng cơ quan Công an đã thu giữ là Kentamine do P mua của một người tên Nam ở thành phố Thái Nguyên (không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể) vào ngày 12/12/2018 với số tiền 1.800.000 đồng, mục đích mang về nhà sử dụng dần. Sau khi thỏa thuận mua, P và Nam thống nhất là cho ma túy vào túi chè khô và gửi xe khách Đức Pchạy tuyến Thái Nguyên - Hà Giang ghi địa chỉ của người nhận là Đặng Ngọc H (Hải Hậu) là bạn của P với nội dung "*Biểu anh H, xã T 0388602686*". Qua trao đổi với nhà xe P biết lộ trình của xe khách Đức P sẽ đi từ Thái Nguyên sang đến huyện B, tỉnh Hà Giang vào khoảng 21 đến 22 giờ hàng ngày. Để tránh công an phát hiện, P gọi điện cho anh H và nhờ anh H khoảng 21 đến 22 giờ nhận hộ P gói hàng do bạn của P gửi từ Thái Nguyên sang vào tối ngày 12/12/2018, khi nhờ anh H, P không nói cho anh H biết là hàng gì và anh H cũng không biết gói hàng có chứa ma túy, nên anh H nhất trí. Tuy nhiên, khi P gọi điện cho nhà xe Đức P hỏi lộ trình đi đến đâu thì nhà xe nói đang ở Hùng A, lúc đó khoảng 21 giờ 35 phút, P rủ Tống Ngọc T, sinh năm 1997, nơi cư trú: Thôn Q, xã Th, huyện H, tỉnh Tuyên Quang đang chơi tại nhà P đi cùng để nhận gói đồ do bạn từ Thái Nguyên gửi, T không biết gói đồ có chứa ma túy, T đồng ý. P điều khiển ô tô nhãn hiệu MazDa 3, biển kiểm soát 15A - 363.40 chở T đến ngã ba P, huyện B, sau khi đã xác nhận đúng xe mà N đã gửi ma túy, P đưa cho T 100.000 đồng nhờ T nhận gói hàng và trả tiền cước gửi hàng, sau khi T nhận gói ma túy mang về xe, nơi P đang đợi thì bị Công an huyện Bắc Quang phát hiện bắt quả tang.

Ngày 13/12/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã tiến hành mở niêm phong và cân tịnh các hạt dạng tinh thể màu trắng, thu giữ của Nguyễn Xuân P, có trọng lượng cụ thể như sau: Vật chứng ký hiệu A1 có khối lượng 0,19 gam; vật chứng ký hiệu A2 có khối lượng 0,28 gam; vật chứng ký hiệu A3 có khối lượng 0,16 gam; vật chứng ký hiệu A4 có khối lượng 0,19 gam; vật chứng ký hiệu A5 có khối lượng 0,49 gam; vật chứng ký hiệu A6 có khối lượng 0,53 gam; vật chứng ký hiệu A7 có khối lượng 0,37 gam. Tổng khối lượng số các hạt dạng tinh thể thu giữ của Nguyễn Xuân P là 2,21 gam.

Cân tịnh Viên thuốc tân dược màu xanh ký hiệu A8 có khối lượng 0,78 gam; viên thuốc tân dược màu xanh ký hiệu A9 có khối lượng 0,77 gam. Tổng

khối lượng 02 viên thuốc tân dược thu giữ của Nguyễn Xuân P khi khám xét trên xe ô tô là 1,55 gam.

Sau khi cân tịnh, cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Quang đã gửi các hạt dạng tinh thể màu trắng và 02 viên thuốc tân dược màu xanh đi giám định.

Tại kết luận giám định số: 44/KL-PC09 ngày 20/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Mẫu các hạt tinh thể màu trắng gửi giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7 là ma túy, loại ma túy Ketamine. Ketamine nằm trong danh mục III, STT: 35, Nghị định 73/2018/NĐ CP, ngày 15/5/2018 của chính phủ.

- Không phát hiện chất ma túy có trong 02 (hai) viên nén màu xanh gửi giám định ký hiệu A8, A9. Hoàn lại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang mẫu vật còn lại sau khi giám định.

Ngoài ra, quá trình điều tra vụ án ngày 18/3/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang đã quyết định rút vụ án lên để điều tra và ra bổ sung Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 01 ngày 20/5/2019 về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ Luật Hình sự đối với Nguyễn Xuân P. Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang đã thu giữ một số vật chứng gồm: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia-105, vỏ màu xanh lơ, bàn phím màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) máy tính xách tay (Laptop) nhãn hiệu SONY-Vaio, màu sơn đen, Model: SVS13AB1GW, 01 (một) bộ sạc điện có dòng chữ SONY; 01 (một) chuột máy tính (Mouse) không dây màu đen; 01 xe ô tô, nhãn hiệu MazDa 3, màu sơn trắng, biển kiểm soát 15A - 363.40, số máy: P520478591, số khung: 4AA6H077053 xe ô tô mang tên Nguyễn Xuân P, xe đã qua sử dụng.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang Nguyễn Xuân P khai nhận: Từ tháng 10 năm 2016 đến tháng 5 năm 2019 P đã thực hiện hành vi nhiều lần, cho nhiều người vay tiền để thu lãi xuất kiếm lợi nhuận bất chính, hình thức cho vay tín chấp, với mức lãi suất thỏa thuận từ 3.000 đồng đến 7.000 đồng/một triệu đồng/một ngày, thời hạn vay và thời hạn thu tiền lãi định kỳ, được người trực tiếp vay và P cùng thỏa thuận, trong giấy vay tiền chỉ thể hiện tên người vay, số tiền vay, không thể hiện lãi suất vay và ngày trả để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng.

Quá trình hoạt động, để có khách đến vay, thu được nợ đã cho vay và tạo vị thế trên thị trường “tín dụng đen”, P đã thuê nhà dưới danh nghĩa mở địa điểm rửa xe ô tô - xe máy, tuyển 02 nhân viên là Phạm Thế Đ, sinh năm 2000, trú tại thôn 31, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang và Trương Đức T, sinh năm 2001, trú tại tổ 13, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang làm việc và ở tại địa điểm thuê, với thỏa thuận miệng lương cho mỗi người là 3.000.000 đồng/ một tháng, công việc cụ thể do P phân công hàng ngày, ngoài ra P còn giao cho Đ, T đi thu tiền của những người vay. P còn đưa thêm tiền chi phí ăn uống, xăng xe từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng và cho tiền từ 100.000 đồng đến 3.000.000 đồng khi Đ và T xin tiền chi tiêu cá nhân. Quá trình thỏa thuận về lương và khi giao việc đi đòi nợ, P không nói cho Đ và T biết là P đã cho người vay, vay bao nhiêu tiền, không nói đã thỏa

thuận với người vay lãi suất bao nhiêu, P là người tự liên hệ với người vay và chỉ đạo T hoặc Đ đến nhận tiền mang về đưa cho P, nếu người vay đưa tiền thiếu theo như đã thỏa thuận, thì Đ hoặc T điện thoại xin ý kiến giải quyết của P để P trực tiếp gọi điện thông nhất với người vay.

Để quản lý nguồn vốn, nguồn thu, danh sách người vay tiền, thời gian vay, số tiền vay, lãi suất cho vay, thời gian thu lãi suất, số tiền lãi đã thu và các hoạt động cho vay, P đã tự lập bảng Excel trên máy tính cá nhân (laptop) của P để theo dõi. Kết quả số liệu mà nguồn chứng cứ đã thu được thể hiện, trong máy tính xách tay mà Cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét chỗ ở của P ngày 27/5/2019 cho thấy bị can lập bảng theo dõi hoạt động kinh doanh cho vay lãi nặng từ năm 2016 đến tháng 12/2018 với 146 lượt người giao dịch vay tiền.

Quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang đã làm rõ được 41 cá nhân có giao dịch vay tiền của P, số tiền vay từ 5.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng, với lãi suất cho vay là từ 3.000 đồng đến 7.000 đồng/một triệu/ một ngày, thời hạn vay không xác định, thu lãi theo thời hạn 10 ngày, 20 ngày, 30 ngày/1 lần. Hình thức thu nợ là: P trực tiếp thu; người vay tự chuyển khoản vào tài khoản tại ngân hàng Agribank chi nhánh huyện B số 8209205096693 mang tên chủ tài khoản là Nguyễn Xuân P (BL405) hoặc chỉ đạo Đ hoặc T đi thu tiền.

Căn cứ Công văn số 847/HAG-TH ngày 08/8/2019 của cơ quan chuyên môn là Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Hà Giang trong việc phối hợp xác định tiền lãi và số tiền thu lợi bất chính trong vụ án như sau:

** Trong thời gian từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2017 Nguyễn Xuân P đã cho 08 người vay tiền/09 lượt vay, với lãi suất từ 3000đ đến 5.000đ/1 triệu/1 ngày. So với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm) gấp từ 5,4 đến 9,1 lần, cụ thể:*

1. Ông Nguyễn Hồng P vay số tiền 20.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/3/2017 với mức lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016 là 5.460.000 đồng; từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/3/2017 là 5.340.000 đồng. So với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 là 9,1 lần, so với khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 5,4 lần.

2. Bà Mai Thị L vay số tiền 15.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 06/12/2017 đến ngày 31/12/2017, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.875.000 đồng. So với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm) là 9,1 lần.

3. Bà Đỗ Kim L vay số tiền 20.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 04/11/2017 đến ngày 31/12/2017, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 5.700.000 đồng. So với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm) là 9,1 lần.

4. Ông Chương Quốc H vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 15/11/2017 đến ngày 25/11/2017, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 500.000 đồng. So với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm) là 9,1 lần.

5. Ông Phạm Đức H vay số tiền 20.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 15/10/2017 đến ngày 15/11/2017, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.000.000 đồng. So với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm) là 9,1 lần.

6. Bà Nguyễn Thị N đã vay 02 lần, với tổng số tiền là 15.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 15/5/2017 đến ngày 31/12/2017, với mức lãi suất: 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 5.750.000 đồng. So với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm) là 9,1 lần.

7. Ông Mai Văn T vay số tiền 30.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 24/7/2017 đến ngày 31/12/2017, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 24.000.000 đồng. So với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm) là 9,1 lần.

8. Ông Nguyễn Hồng M vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 23/3/2017 đến ngày 31/12/2017, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 14.150.000 đồng. So với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm) là 9,1 lần.

** Trong thời gian từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 5 năm 2019 Nguyễn Xuân P đã cho 41 người vay, với lãi suất từ 3000đ đến 5.000đ/1 triệu/1 ngày. So với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm) gấp từ 5,4 đến 12,7 lần, gồm những người sau:*

1. Ông Nguyễn Hồng P vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời gian từ ngày 26/7/2018 đến ngày 23/9/2018, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.000.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 328.767 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 2.671.233 đồng, chưa trả tiền gốc.

2. Bà Mai Thị L vay số tiền 15.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 01/01/2018 đến ngày 10/01/2019, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 17.125.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 3.082.191 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 14.042.809 đồng, chưa trả tiền gốc.

3. Bà Đỗ Kim L vay 03 lần với tổng số tiền 50.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/9/2018, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 26.050.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 2.860.272 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 23.189.728 đồng, chưa trả tiền gốc.

4. Ông Phạm Đức H vay 02 lần với tổng số tiền 50.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 25/3/2018 đến ngày 20/9/2018, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 44.775.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 4.920.547 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 39.854.453 đồng, số tiền gốc đã trả là 23.000.000 đồng, số tiền gốc chưa trả là 27.000.000 đồng.

5. Ông Mai Văn T vay 02 lần với tổng số tiền 33.000.000 đồng (trong đó thời gian từ ngày 01/01/2018 đến ngày 08/4/2018 vay 30.000.000 đồng và từ ngày 02/9/2018 đến ngày 02/11/2018 vay 3.000.000đ) với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 17.000.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 1.711.231 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 15.288.769 đồng, số tiền gốc đã trả là 22.000.000 đồng, số tiền gốc chưa trả là 11.000.000 đồng.

6. Ông Phạm Ngọc S vay lần 1 số tiền 50.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 23/8/2018 đến ngày 28/3/2019 với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 54.500.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 5.945.205 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 48.554.795 đồng, chưa trả tiền gốc.

Ngoài ra, ông Phạm Ngọc S có vay lần 2 số tiền là 5.000.000 đồng từ ngày 04/11/2018, chưa trả lãi (khoản tiền này bị cáo chưa thu lời bất chính nên không xem xét)

7. Ông Nguyễn Văn H vay 02 lần với tổng số tiền 50.000.000 đồng (trong đó lần 01 vay số tiền là 40.000.000đ từ ngày 26/3/2018 đến ngày 21/9/2018, lần 2 vay số tiền 10.000.000 đồng từ ngày 16/5/2018 đến ngày 12/9/2018), với mức lãi suất từ 4.000đ đến 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 34.800.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 4.602.739 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 30.197.261 đồng, chưa trả tiền gốc.

8. Bà Nguyễn Thị T vay số tiền 70.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 09/4/2018 đến ngày 06/8/2018, với mức lãi suất từ 4.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 33.600.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 4.602.739 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 28.997.261 đồng, chưa trả tiền gốc.

Ngoài ra, từ ngày 06/8/2018 đến ngày 05/12/2018, do chưa trả tiền lãi nên các bên đã thỏa thuận cộng gốc và lãi là 100.000.000 đồng, cộng với số tiền gốc của chồng Nguyễn Văn H tổng số tiền là 220.000.000đ, với mức lãi suất 2.000đ/1 triệu/1 ngày. Từ ngày 10/4/2019 đến ngày 26/4/2019, đã trả tiền lãi là 7.000.000 đồng, xác định mức lãi suất cao hơn quy định là 53%, gấp 3,6 lần mức tối đa (chưa đến mức xử lý về hình sự).

9. Bà Nguyễn Thị D vay 02 lần với tổng số tiền 35.000.000 đồng (trong đó, lần 1 vay 20.000.000 đồng thời gian từ ngày 10/5/2018 đến ngày 26/9/2018, lần 2 vay 15.000.000đ từ ngày 10/8/2018 đến ngày 16/01/2018) với mức lãi

suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 18.500.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 2.027.396 đồng, khoản tiền thu lãi bất chính là 16.472.604 đồng, đã trả xong tiền gốc.

10. Bà Phạm Thị T vay 02 lần với tổng số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 23/8/2018 đến ngày 28/02/2019, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 4.600.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 520.547 đồng, khoản tiền thu lãi bất chính là 4.079.453 đồng, đã trả xong tiền gốc.

11. Bà Vương Kiều A vay 02 lần với tổng số tiền 15.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 21/6/2018 đến ngày 20/02/2019, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 17.250.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 1.939.725 đồng, khoản tiền thu lãi bất chính là 15.310.275 đồng, chưa trả tiền gốc.

12. Bà Nông Thị Mai A vay số tiền 20.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 10/10/2018 đến ngày 10/12/2018, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 6.100.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 679.452 đồng, khoản tiền thu lãi bất chính là 5.420.548 đồng, đã trả xong tiền gốc.

13. Ông Vũ Đức T vay số tiền 15.000.000 đồng, trong thời gian từ ngày 19/9/2018 đến ngày 18/10/2018, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.250.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 246.575 đồng, khoản tiền thu lãi bất chính là 2.003.425 đồng, đã trả xong tiền gốc.

14. Bà Nguyễn Thị D vay 02 lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 07/9/2018 đến ngày 01/5/2019, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 15.000.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 2.558.903 đồng, khoản tiền thu lãi bất chính là 12.441.097 đồng, chưa trả tiền gốc.

15. Ông Nguyễn Văn H vay 02 lần với tổng số tiền 14.000.000 đồng (trong đó thời gian từ ngày 30/8/2018 đến ngày 30/3/2019 vay 4.000.000đ và từ ngày 26/01/2019 đến ngày 26/3/2019 vay 10.000.000đ), với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 7.200.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 797.808 đồng, khoản tiền thu lãi bất chính là 6.402.192 đồng, đã trả xong tiền gốc.

Ngoài ra, anh Nguyễn Văn H có vay lần 3 số tiền là 6.000.000 đồng từ ngày 26/3/2019 đến tháng 4/2019 chưa trả lãi. (khoản tiền này bị cáo chưa thu lãi bất chính nên không xem xét).

16. Ông Nguyễn Văn H1 vay số tiền 20.000.000 đồng, trong thời gian từ ngày 15/10/2018 đến ngày 24/10/2018, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.000.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 109.589 đồng, khoản tiền thu lãi bất chính là 890.411 đồng, chưa trả tiền gốc.

17. Ông Vương Quốc H vay 06 lần với tổng số tiền 160.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 05/9/2018 đến ngày 05/5/2019, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 60.900.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 8.093.148 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 52.806.852 đồng, số tiền gốc đã trả là 90.000.000 đồng, số tiền gốc chưa trả là 70.000.000 đồng.

18. Bà Đặng Thị T vay số tiền 20.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 01/7/2018 đến ngày 28/3/2019, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 24.000.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 2.958.904 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 21.041.096 đồng, chưa trả tiền gốc.

Ngoài ra, bà Đặng Thị T có vay lần 2 với số tiền là 15.000.000 đồng từ ngày 01/4/2019 chưa trả lãi (khoản tiền này bị cáo chưa thu lời bất chính nên không xem xét).

19. Ông Phạm Thanh Q vay 02 lần với tổng số tiền 14.000.000 đồng (trong đó thời gian từ ngày 25/02/2018 đến ngày 25/8/2018 vay 10.000.000đ và từ ngày 25/8/2018 đến ngày 25/12/2018 vay 4.000.000đ), với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 11.400.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 1.266.849 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 10.133.151 đồng, số tiền gốc đã trả là 10.000.000 đồng, số tiền gốc chưa trả là 4.000.000 đồng.

20. Ông Vũ Xuân T vay số tiền 40.000.000 đồng, trong thời gian từ ngày 30/4/2018 đến ngày 03/02/2019, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 12.000.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 6.115.068 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 5.884.932 đồng, đã trả xong tiền gốc.

21. Ông Nguyễn Quyết T vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời gian từ ngày 09/5/2018 đến ngày 04/11/2018, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 9.000.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 986.301 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 8.013.699 đồng, chưa trả tiền gốc.

22. Ông Vũ Sơn T vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời gian từ ngày 15/9/2018 đến ngày 03/11/2018, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.250.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 498.630 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 751.370 đồng, đã trả xong tiền gốc.

23. Ông Mạc Đình D, vay 02 lần với tổng số tiền là 12.000.000 đồng. Trong đó lần 1 vay số tiền 2.000.000đ, thời gian từ ngày 12/4/2018 đến ngày 09/8/2018 với mức lãi suất 7.000đ/1 triệu/1 ngày; lần 2 vay số tiền 10.000.000đ, thời gian từ ngày 10/11/2018 đến ngày 29/5/2019, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 9.880.000 đồng, trong đó khoản lãi theo

pháp luật quy định là 1.446.574 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 8.433.426 đồng, đã trả xong tiền gốc.

24. Bà Trương Thị P, vay 02 lần với tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Trong đó lần 1 vay số tiền 25.000.000đ, thời gian từ ngày 23/4/2018 đến ngày 31/01/2019; lần 2 vay số tiền 15.000.000đ, thời gian từ ngày 14/7/2018 đến ngày 31/01/2019, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 49.525.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 5.953.423 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 43.571.577 đồng, chưa trả tiền gốc.

25. Bà Đinh Hồng H, vay 02 lần với tổng số tiền là 12.000.000 đồng. Trong đó lần 1 vay số tiền 6.000.000đ, thời gian từ ngày 05/11/2018 đến ngày 12/02/2019; lần 2 vay số tiền 6.000.000đ, thời gian từ ngày 02/12/2018 đến ngày 12/02/2019, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 9.710.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 1.083.835 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 8.626.165 đồng, đã trả xong tiền gốc.

26. Ông Hoàng Văn B, vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời gian từ ngày 17/10/2018 đến ngày 15/12/2018, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.900.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 997.260 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 1.902.740 đồng, đã trả xong tiền gốc.

27. Ông Đào Duy T, vay 02 lần với tổng số tiền 60.000.000 đồng. Trong đó lần 1 vay số tiền 40.000.000đ, thời gian từ ngày 01/8/2018 đến ngày 20/01/2019; lần 2 vay số tiền 20.000.000đ, thời gian từ ngày 28/9/2018 đến ngày 20/01/2019, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 45.600.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 5.052.053 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 40.547.947, đã trả xong tiền gốc.

28. Ông Lý Thành T, vay số tiền 30.000.000 đồng, trong thời gian từ ngày 21/6/2018 đến ngày 18/9/2018, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 13.500.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 1.479.452 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 12.020.548 đồng, chưa trả tiền gốc.

29. Ông Nguyễn Tuấn L, vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời gian từ ngày 20/9/2018 đến ngày 09/10/2018, với mức lãi suất từ 4000đ đến 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 5.000.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 558.904 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 4.441.096 đồng, đã trả xong tiền gốc.

30. Ông Vũ Thế C, vay số tiền 20.000.000 đồng, trong thời gian từ ngày 25/10/2018 đến ngày 15/11/2018, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 241.095 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 1.758.905 đồng, đã trả xong tiền gốc.

31. Ông Dur Vĩnh T, vay số tiền 15.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 27/6/2018 đến ngày 25/8/2018, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số

tiền lãi đã trả là 4.500.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 493.150 đồng, khoản tiền thu lãi bất chính là 4.006.850 đồng, đã trả xong tiền gốc.

Ngoài ra, anh Dư Vĩnh T có vay lần 2 với số tiền là 105.000.000 đồng từ ngày 02/9/2018 chưa trả lãi (khoản tiền này bị cáo chưa thu lãi bất chính nên không xem xét).

32. Ông Trương Thành K, vay số tiền 130.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 21/6/2018 đến ngày 30/7/2018, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 26.000.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 2.849.315 đồng, khoản tiền thu lãi bất chính là 23.150.685 đồng, đã trả số tiền gốc là 40.000.000 đồng, số tiền gốc chưa trả là 90.000.000 đồng.

Ngoài ra, anh Trương Thành K có vay lần 2 với số tiền là 20.000.000 đồng từ ngày 24/9/2018 chưa trả lãi (khoản tiền này chưa thu lãi bất chính nên không xem xét).

33. Bà Trịnh Kim D, vay 03 lần với tổng số tiền 40.000.000 đồng. Trong đó lần 1 vay số tiền 10.000.000đ, thời gian từ ngày 07/3/2018 đến ngày 30/4/2019; lần 2 vay số tiền 20.000.000đ, thời gian từ ngày 10/4/2018 đến ngày 30/4/2019; lần 3 vay số tiền 10.000.000đ, thời gian từ ngày 02/02/2019 đến ngày 30/4/2019, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả của 03 lần vay là 63.700.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 7.019.175 đồng, khoản tiền thu lãi bất chính là 56.680.825, chưa trả tiền gốc.

34. Bà Lê Trâm A, vay số tiền 20.000.000 đồng, trong thời gian từ ngày 10/02/2018 đến ngày 30/4/2019, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 44.300.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 4.876.712 đồng, khoản tiền thu lãi bất chính là 39.423.288 đồng, chưa trả tiền gốc.

35. Bà Đoàn Thị L, vay 02 lần với tổng số tiền 35.000.000 đồng. Trong đó lần 1 vay số tiền 10.000.000đ, thời gian từ ngày 13/8/2018 đến ngày 20/4/2019; lần 2 vay số tiền 25.000.000đ, thời gian từ ngày 29/8/2018 đến ngày 20/4/2019, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả của 02 lần vay là 41.750.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 4.594.520 đồng, khoản tiền thu lãi bất chính là 37.155.480, chưa trả tiền gốc.

36. Ông Lý Thế H, vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 25/02/2019 đến ngày 25/4/2019, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 657.534 đồng, khoản tiền thu lãi bất chính là 5.342.466 đồng, chưa trả tiền gốc.

Ngoài ra, anh Lý Thế H còn một khoản vay với số tiền là 10.000.000 đồng từ ngày 25/01/2019 chưa trả lãi (khoản tiền này chưa thu lãi bất chính nên không xem xét).

37. Ông Nguyễn Hồng M, vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời gian từ ngày 01/01/2018 đến ngày 23/11/2018, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày.

Tổng số tiền lãi đã trả là 15.850.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 1.791.780 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 14.058.220 đồng, đã trả xong tiền gốc.

38. Ông Hoàng Minh H, vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời gian từ ngày 10/4/2018 đến ngày 10/12/2018, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là 12.000.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 1.342.465 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 10.657.535 đồng, chưa trả tiền gốc.

39. Ông Chung Văn L, vay 02 lần với tổng số tiền 60.000.000 đồng. Trong đó lần 1 vay số tiền 30.000.000đ, thời gian từ ngày 30/10/2018 đến ngày 08/11/2018; lần 2 vay số tiền 30.000.000đ, thời gian từ ngày 27/3/2019 đến ngày 17/4/2019, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả của 02 lần vay là 4.500.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 526.026 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 3.973.974 đồng, chưa trả tiền gốc

40. Ông Nguyễn Quang H, vay 02 lần với tổng số tiền 15.000.000 đồng. Trong đó lần 1 vay số tiền 5.000.000đ, thời gian từ ngày 23/7/2018 đến ngày 30/9/2018; lần 2 vay số tiền 10.000.000đ, thời gian từ ngày 25/7/2018 đến ngày 12/10/2018; lần 3 cộng gốc của 02 lần vay là 15.000.000 đồng, thời gian từ ngày 12/10/2018 đến ngày 21/01/2019, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả của 03 lần là 13.250.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 1.468.492 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 11.781.508, đã trả xong tiền gốc.

41. Ông Nguyễn Văn T vay 02 lần với tổng số tiền 105.000.000 đồng. Trong đó lần 1 vay số tiền 65.000.000đ, thời gian từ ngày 22/02/2019 đến ngày 06/3/2019; lần 2 vay số tiền 40.000.000đ, thời gian từ ngày 17/3/2019 đến ngày 04/4/2019, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả của 02 lần là 7.350.000 đồng, trong đó khoản lãi theo pháp luật quy định là 879.451 đồng, khoản tiền thu lời bất chính là 6.470.549 đồng, đã trả xong tiền gốc.

Ngoài ra, ông Nguyễn Văn T còn một khoản vay có số tiền là 50.000.000 đồng từ ngày 25/4/2019 chưa trả lãi (khoản tiền này chưa thu lời bất chính nên không xem xét).

Tổng hợp kết quả nêu trên, đã xác định đối với giao dịch dân sự Nguyễn Xuân P cho vay và thu lãi từ năm 2016 đến tháng 12/2017, so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 chỉ từ 5,4 đến 9,1 lần nhưng chưa gấp 10 lần theo quy định tại Điều 163 của Bộ luật Hình sự năm 1999, do đó không cấu thành tội phạm gồm người vay Nguyễn Hồng P, Mai Thị L, Đỗ Kim L, Chương Quốc H, Phạm Đức H, Nguyễn Thị N, Mai Văn T và Nguyễn Hồng M.

Đối với các giao dịch dân sự Nguyễn Xuân P cho vay lãi nặng lãi từ ngày 01/01/2018 là 41 trường hợp với mức lãi xuất cho vay gấp từ 5,4 đến 12,7 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm).

Tuy nhiên, trong 41 trường hợp cho vay nêu trên có 03 trường hợp là Chúng Văn L, Nguyễn Quang H và Nguyễn Văn T, tại giai đoạn điều tra đã không có mặt tại địa P nơi cư trú, cơ quan điều tra không tiến hành được các biện pháp điều tra, thu thập chứng cứ nên không giải quyết được trong vụ án.

Căn cứ kết quả điều tra xác định hành vi cho vay nặng lãi của Nguyễn Xuân P là 38 người vay, với tổng số tiền gốc Nguyễn Xuân P cho vay là: **1.190.000.000đ**.

Tổng số tiền lãi Nguyễn Xuân P đã thu được là: **773.515.000đ**.

Trong đó: Số tiền lãi theo quy định của pháp luật Nguyễn Xuân P đã thu là: **97.289.833đ**; Số tiền lãi thu lời bất chính là: **676.225.167đ**

Tổng số tiền gốc người vay đã trả là: **473.000.000đ**

Tổng số số tiền gốc người vay chưa trả là: **717.000.000đ**.

Còn lại 67 lượt vay được thể hiện trong dữ liệu máy tính theo dõi của P, do thiếu thông tin về danh tính, địa chỉ nên Cơ quan điều tra đã đăng thông báo truy tìm người vay trong vụ án cho vay lãi nặng gửi Đài truyền hình tỉnh Hà Giang phát bản tin, đồng thời gửi Công an các xã, thị trấn của huyện Bắc Quang, thông báo công khai để nhân dân và người vay biết, tố giác tội phạm, phối hợp điều tra làm rõ vụ án. Tuy nhiên trong giai đoạn điều tra chưa có người nào tố giác hành vi phạm tội của Nguyễn Xuân P, nên cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra làm rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự trong vụ án khác.

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 36/CT-VKS-P2 ngày 25/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố Nguyễn Xuân P về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm g khoản 1 Điều 249 và tội: “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Xuân P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu. Ngoài ra, tại phiên tòa bị cáo khai trong số người vay đã trả gốc còn có ông Phạm Ngọc S đã trả 50.000.000 đồng và ông Phạm Thanh Q đã trả 4.000.000 đồng tiền gốc và ông Trương Thành K đã trả 90.000.000 đồng tiền gốc.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Nguyễn Xuân P về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

* Về điều luật và hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249; khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân P từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Tổng hợp hình phạt đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Xuân P phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội từ 02 năm đến 02 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày

06/5/2019), được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2018 đến ngày 08/01/2019.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) túi nilon màu trắng đục, phía ngoài có dán một mảnh giấy có ghi chữ "Biểu anh H, xã T 0388602686 H" bên trong túi có một nilon màu trắng trong suốt có chứa các búp chè khô; 01 (một) phong bì bằng giấy trắng kín đựng mẫu vật hoàn trả sau giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Giang, một mặt phong bì có ghi dòng chữ "mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu: A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7"; 01 (một) phong bì bằng giấy trắng kín đựng mẫu vật hoàn trả sau giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Giang, một mặt phong bì có ghi dòng chữ "mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu: A8, A9".

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng - vàng; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia-105, vỏ màu xanh lơ, bàn phím màu đen; 01 (một) máy tính xách tay (Laptop) nhãn hiệu SONY-Vaio, màu sơn đen, Model: SVS13AB1GW, 01 (một) bộ sạc điện có dòng chữ SONY; 01 (một) chuột máy tính (Mouse) không dây màu đen.

- Trả lại 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Mazda, số loại 3, màu trắng; số máy P520478591; số khung: 4AA6HC077053; biển kiểm soát 15A-363.40; kèm theo 01 (một) chìa khóa, cho Ngân hàng A để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an huyện Bắc Quang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 01/10/2019.

- Đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Xuân P phải nộp số tiền gốc đã thu là 617.000.000 đồng và số tiền lãi đã thu theo quy định (20%/năm) là 97.289.833 đồng. Tổng cộng là 714.289.833 (*Bảy trăm mười bốn triệu, hai trăm tám mươi chín nghìn, tám trăm ba mươi ba đồng*), sung vào ngân sách nhà nước.

- Đề nghị buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa trả đủ tiền gốc cho Nguyễn Xuân P phải nộp, sung vào ngân sách nhà nước với tổng số tiền là 573.000.000 đồng (*Năm trăm bảy mươi ba triệu đồng*).

- Đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Xuân P phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng số tiền thu lời bất chính là 676.225.167 đồng (*Sáu trăm, bảy mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng*). Ngoài ra, bị cáo là người lao động tự do, trong vụ án này bị cáo cũng đã bị truy thu số tiền gốc và lãi để sung vào ngân sách nhà nước nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với tội danh, điều luật và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội.

Bị cáo lời nói sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về với cộng đồng và người thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Bắc Quang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, nhưng trước đó họ đã có đơn xin xét xử vắng mặt, còn một số nhân chứng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, những người này đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên và xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Xuân P tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo, phù hợp với các tài liệu như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 12/12/2018; biên bản niêm phong đồ vật tài liệu bị tạm giữ ngày 12/12/2018, 13/5/2019 và 23/5/2019; biên bản xét nghiệm chất ma túy trong nước tiểu; biên bản và bản ảnh mở niêm phong cân tịnh và lấy mẫu vật chứng gửi giám định ngày 13/12/2018; kết luận giám định số 44/KL - PC 09 ngày 20/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang; Biên bản mở niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 27/5/2019; báo cáo chi tiết lịch sử liên lạc của thuê bao điện thoại; báo cáo thông tin chủ tài khoản tại Ngân hàng B; Biên bản khám xét nhà ở thu giữ tài liệu đồ vật, các giấy tờ liên quan đến cho vay lãi, biểu tổng hợp cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự (Kèm theo biên bản làm việc ngày 08/8/2019) cùng tài liệu khác có trong hồ sơ đã đủ cơ sở để xác định: Ngày 12/12/2018 bị cáo Nguyễn Xuân P có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy (loại Ketamine) với khối lượng là 2,21 gam. Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 5/2019 Nguyễn Xuân P đã thực hiện giao dịch dân sự với 38 cá nhân gồm các ông, bà: Nguyễn Hồng P, Mai Thị L, Đỗ Kim L, Mai Đức H, Mai Văn T, Phạm Ngọc S, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị D, Phạm Thị T, Vương Kiều A, Nông Thị Mai A, Vũ Đức T, Nguyễn Thị D, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Vương Quốc H, Đặng Thị T, Phạm Thanh Q, Vũ Xuân T, Nguyễn Quyết T, Vũ Sơn T, Mạc Đình D, Trương Thị P, Đinh Hồng H, Hoàng Văn B, Đào Duy T, Lý Thành T, Nguyễn Tuấn L, Vũ Thế C, Dư Vĩnh T, Trương Thành K, Trịnh Kim D, Lê Trâm A, Đoàn Thị L, Lý Thế H, Nguyễn Hồng M, Hoàng Minh H, cho vay với tổng số tiền gốc là 1.190.000.000 đồng

nhằm thu tiền lãi suất cao từ 109,5% đến 255,5%/năm, vượt mức lãi xuất Bộ luật Dân sự quy định là 20%/năm (gấp từ 5,4 đến 12,7 lần) để thu lời bất chính **676.225.167 đồng**, nên hành vi của Nguyễn Xuân P đủ yếu tố cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận trong vụ án này Nguyễn Xuân P phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự và tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự, như Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân người phạm tội:

Đối với hành vi phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo đã gây ra thuộc tội phạm nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến những quy định của Nhà nước trong việc quản lý và sử dụng các chất ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Chất ma túy nói chung và Ketamine nói riêng là chất gây nghiện nghiêm trọng, không những huỷ hoại sức khoẻ của người mắc nghiện, huỷ hoại đạo đức của con người, mà còn là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Bị cáo là đối tượng nghiện hút, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng do lối sống chơi bời, đua đòi, coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đã mua 07 gói ma túy để sử dụng, nhưng chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện, bắt giữ. Căn cứ vào kết quả cân tịnh và kết luận giám định đã xác định tổng trọng lượng Ketamine bị cáo đã tàng trữ trái phép là 2,21 gam, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính và làm cho người vay lâm vào tình trạng khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội. Trong vụ án này, tổng số tiền gốc bị cáo đã cho vay là 1.190.000 đồng, tổng số tiền lãi đã thu là 773.515.000 đồng (trong đó tổng số tiền lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm) là 97.289.833 đồng; tổng số tiền lãi thu lời bất chính là 676.225.167 đồng), xét thấy số tiền lãi bị cáo đã thu của người vay có lãi suất cao từ 109,5% đến 255,5%/năm, gấp từ 5,4 đến 12,7 lần, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được tàng trữ trái phép chất ma túy và cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, nhưng vì chơi bời bị cáo đã sử dụng ma túy từ năm 2018. Ngoài ra, vì mục đích tư lợi cá nhân bị cáo đã thực hiện cho vay lãi nặng, do đó cần phải được xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo nói riêng và để phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, bị cáo có 1 tình tiết tăng nặng đối với tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là “*phạm tội từ 02 người trở lên*”.

Về tình tiết giảm nhẹ tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, riêng đối với tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đồng thời gia đình bị cáo có người thân là người có công với nước, đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bản thân bị cáo chưa có tiền án, nhưng có 03 tiền sự: Ngày 16/01/2018 bị Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính hình thức xử phạt tiền với số tiền là 750.000đ; Ngày 05/12/2018 bị Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính hình thức xử phạt tiền với số tiền là 200.000đ; Ngày 02/9/2019, bị Công an tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo đã chấp hành xong nhưng chưa được xóa. Do đó, mức hình phạt đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng tại phiên tòa đối với bị cáo trong vụ án là phù hợp, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội, tuy nhiên khi áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo về hai tội cũng cần xem xét các các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ phần nào mức án để thể hiện sự khoan hồng của nhà nước.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 201 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội có thể bị phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tuy nhiên trong vụ án này bị cáo lao động tự do, không có thu nhập ổn định, bị cáo còn bị truy thu một số tiền liên quan đến hành vi phạm tội. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Đối với đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo, quá trình điều tra không xác định được danh tính, địa chỉ nên không đủ tài liệu để thực hiện các biện pháp điều tra, còn đối với Tổng Ngọc T quá trình điều tra đã xác định quá trình đi cùng P lấy hàng, T không biết P lấy hàng gì và cũng không biết trong túi chề khô có chứa ma túy. Do vậy, không có dấu hiệu hình sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với Phạm Thế Đ và Trương Đức T là người được bị cáo thuê làm việc và trả lương, được bố trí chỗ ở, nuôi ăn uống và thường xuyên được bị cáo cho đi thu nợ, đòi nợ của những người vay tiền, tuy biết bị cáo cho người khác vay tiền có thu lãi suất nhưng họ không biết cụ thể lãi suất là bao nhiêu, mọi giao dịch cho vay đều do bị cáo P trực tiếp giao dịch với người vay, họ chỉ thực hiện hành vi theo ý chỉ, chỉ dẫn của bị cáo. Căn cứ các quy định của pháp luật xét thấy hành vi của Phạm Thế Đ và Trương Đức T không có dấu hiệu của tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với vai trò đồng phạm với P nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với 03 người vay gồm Chúng Văn L, Nguyễn Quang H và Nguyễn Văn T, tại giai đoạn điều tra đã không có mặt tại địa P và tại nơi cư trú, cơ quan điều tra không tiến hành được các biện pháp điều tra, thu thập chứng cứ nên không giải quyết được trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét, đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang tiếp tục biện pháp điều tra để giải quyết trong vụ án khác.

[8] Đối với hành vi cho vay để thu lãi của bị cáo trong thời gian từ năm 2016 đến tháng 12 năm 2017 gồm 08 người vay/09 lượt vay, với tổng số tiền gốc cho vay là 140.000.000đ, tổng số tiền lãi đã thu là 60.075.000đ, có mức lãi suất từ 109,5% đến 182,5%/năm, so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 chỉ gấp từ 5,4 đến 9,1 lần. Xét thấy số tiền lãi thu lời bất chính của 08 người vay gồm Nguyễn Hồng P, Mai Thị L, Đỗ Kim L, Chương Quốc H, Phạm Đức H, Nguyễn Thị N, Mai Văn T và Nguyễn Hồng M, chưa gấp 10 lần theo quy định tại Điều 163 của Bộ luật Hình sự năm 1999, do đó hành vi của bị cáo không cấu thành tội phạm. Ngoài ra, những khoản tiền bị cáo đã cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vay mà họ chưa trả lãi, bị cáo chưa thu lời bất chính, hội đồng xét xử cũng không xem xét, nếu sau này giữa người cho vay và người vay có tranh chấp thì được giải quyết theo quy định của Bộ luật Dân sự.

[9] Đối với 67 lượt vay được thể hiện trong dữ liệu máy tính theo dõi của P, quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thông báo đăng tin truy tìm người vay rộng rãi trên các P tiện thông tin đại chúng để họ biết liên hệ, phối hợp cơ quan điều tra giải quyết vụ án nhưng trong giai đoạn điều tra không có cá nhân, tổ chức nào liên hệ làm việc thực hiện nghĩa vụ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

* Đối với những vật chứng cơ quan điều tra đã thu giữ gồm:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng - vàng, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia-105, vỏ màu xanh lơ, bàn phím màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) máy tính xách tay (Laptop) nhãn hiệu SONY-Vaio, màu sơn đen, Model: SVS13AB1GW, 01 (một) bộ sạc điện có dòng chữ SONY; 01 (một) chuột máy tính (Mouse) không dây màu đen cũ đã qua sử dụng, thu giữ của bị cáo trong vụ án. Hội đồng xét xử xác định đây là những vật chứng có liên quan đến hành vi phạm tội, cần áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự, xử tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 (một) túi nilon màu trắng đục, phía ngoài có dán một mảnh giấy có ghi chữ "Biểu anh HHậu Tân Quang 0388602686 Hải Hậu" bên trong túi có một nilon màu trắng trong suốt có chứa các búp chè khô; 01 (một) phong bì bằng giấy trắng kín đựng mẫu vật hoàn trả sau giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Giang, một mặt phong bì có ghi dòng chữ "mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu: A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7"; 01 (một) phong bì bằng giấy trắng kín đựng mẫu vật hoàn trả sau giám định của Phòng kỹ thuật hình sự -

Công an tỉnh Hà Giang, một mặt phong bì có ghi dòng chữ "mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu: A8, A9". Đây là vật cầm tàng trữ, lưu hành, cần áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự, xử tịch thu, tiêu hủy.

* Đối với 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Mazda, số loại 3, màu trắng; số máy P520478591; số khung: 4AA6HC077053; biển kiểm soát 15A-363.40; trong cốp không có bất cứ tài sản gì; **(không kiểm tra tình trạng, đặc điểm máy bên trong xe)**; kèm theo 01 (một) chìa khóa. Hội đồng xét xử xác định đây là vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội, đồng thời nguồn gốc tài sản này của bị cáo hiện đang được thế chấp bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 006.HĐTD1.012.18 ngày 08/01/2018 để vay vốn tại Ngân hàng A, số tiền 470.000.000 đồng, mục đích vay: Mua ô tô và theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị/P tiện vận tải số 006.HĐTC1.012.18 ngày 08/01/2018 giữa Ngân hàng A với Nguyễn Xuân P. Do đó để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, cần trả lại cho Ngân hàng A xử lý thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

* Đối với tổng số tiền gốc bị cáo dùng để cho vay trong vụ án này là 1.190.000.000 đồng, nhưng tại thời điểm phát hiện hành vi phạm tội, những người vay đã trả số tiền gốc cho bị cáo là 617.000.000 đồng và khoản lãi tính theo quy định với mức lãi suất 20 %/năm là 97.289.833 đồng. Hội đồng xét xử xác định số tiền gốc nêu trên là P tiện phạm tội, còn khoản tiền lãi theo quy định với mức lãi suất 20 %/năm tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng vì đây cũng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm. Do đó, cần truy thu sung vào ngân sách nhà nước hai khoản tiền nêu trên đối với bị cáo Nguyễn Xuân P, tổng cộng là 714.289.833 đồng (*Bảy trăm mười bốn triệu, hai trăm tám mươi chín nghìn, tám trăm ba mươi ba đồng*) đối với bị cáo Nguyễn Xuân P.

* Đối với số tiền gốc mà những người vay chưa trả đủ cho bị cáo với tổng số tiền là 573.000.000 đồng (*Năm trăm bảy mươi ba triệu đồng*), cần buộc người vay phải nộp để sung vào ngân sách nhà nước gồm những người sau: Ông Nguyễn Hồng P nộp 10.000.000 đồng; bà Mai Thị L nộp 15.000.000 đồng; bà Đỗ Kim L nộp 50.000.000 đồng; ông Phạm Đức H nộp 27.000.000 đồng; ông Mai Văn T nộp 11.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn H nộp 50.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị T nộp 70.000.000 đồng; bà Vương Kiều A nộp 15.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị D nộp 20.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn H1 nộp 20.000.000 đồng; ông Vương Quốc H nộp 70.000.000 đồng; bà Đặng Thị T nộp 20.000.000 đồng; ông Nguyễn Quyết T nộp 10.000.000 đồng; bà Trương Thị P nộp 40.000.000 đồng; ông Lý Thành T nộp 30.000.000 đồng; bà Trịnh Kim D nộp 40.000.000 đồng; bà Lê Trâm A nộp 20.000.000 đồng; bà Đoàn Thị L nộp 35.000.000 đồng; ông Lý Thế H nộp 10.000.000 đồng; ông Hoàng Minh H nộp 10.000.000 đồng.

* Đối với khoản tiền thu lời bất chính mà bị cáo thu được của người vay vượt mức lãi xuất quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, thì không có hiệu lực. Do đó, khoản tiền mà bị cáo đã thu lời bất chính của những người vay trong vụ án này là 676.225.167 đồng (*Sáu trăm bảy mươi sáu triệu,*

hai trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng), buộc bị cáo Nguyễn Xuân P phải trả lại cho người vay, gồm những người sau đây: Ông Nguyễn Hồng P là 2.671.333 đồng; bà Mai Thị L là 14.042.809 đồng; bà Đỗ Kim L là 23.189.728 đồng; ông Phạm Đức H là 39.854.453 đồng; ông Mai Văn T là 15.288.769 đồng; ông Phạm Ngọc S là 48.554.795 đồng; ông Nguyễn Văn H là 30.197.261 đồng; bà Nguyễn Thị T là 28.997.261 đồng; bà Nguyễn Thị D là 16.472.604 đồng; bà Phạm Thị T là 4.079.453 đồng; bà Vương Kiều A là 15.310.275 đồng; bà Nông Thị Mai A là 5.420.548 đồng; ông Vũ Đức T là 2.003.425 đồng; bà Nguyễn Thị D là 12.441.097 đồng; ông Nguyễn Văn H là 6.402.192 đồng; ông Nguyễn Văn H1 là 890.411 đồng; ông Vương Quốc H là 52.806.852 đồng; bà Đặng Thị T là 21.041.096 đồng; ông Phạm Thanh Q là 10.133.151 đồng; ông Vũ Xuân T là 5.884.932 đồng; ông Nguyễn Quyết T là 8.013.699 đồng; ông Vũ Sơn T là 751.370 đồng; ông Mạc Đình D là 8.433.426 đồng; bà Trương Thị P là 43.571.577 đồng; ông Đinh Hồng H là 8.626.165 đồng; ông Hoàng Văn B là 1.902.740 đồng; ông Đào Duy T là 40.547.947 đồng; ông Lý Thành T là 12.020.548 đồng; ông Nguyễn Tuấn L là 4.441.096 đồng; ông Vũ Thế C là 1.758.905 đồng; ông Dư Vĩnh T là 4.006.850 đồng; ông Trương Thành K là 23.150.685 đồng; bà Trịnh Kim D là 56.680.825 đồng; bà Lê Trâm A là 39.423.288 đồng; bà Đoàn Thị L là 37.155.480 đồng; ông Lý Thế H là 5.342.466 đồng; ông Nguyễn Hồng M là 14.058.220 đồng; ông Hoàng Minh H là 10.657.535 đồng.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 249; khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50, Điều 55, khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 14, Điều 17 Nghị quyết số 42/2017/QH14 Ngày 21/6/2017 của Quốc Hội thi điểm về xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân P 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 01 (một) năm tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 06/5/2019), được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2018 đến ngày 08/01/2019.

3. Về xử lý vật chứng:

* Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) túi nilon màu trắng đục, phía ngoài có dán một mảnh giấy có ghi chữ "Biểu anh H, xã T 0388602686 H" bên trong túi có một nilon màu trắng trong suốt có chứa các búp chè khô; 01 (một) phong bì bằng giấy trắng kín đựng mẫu vật hoàn trả sau giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Giang, một mặt phong bì có ghi dòng chữ "mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu: A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7"; 01 (một) phong bì bằng giấy trắng kín đựng mẫu vật hoàn trả sau giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Giang, một mặt phong bì có ghi dòng chữ "mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu: A8, A9".

* Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng - vàng, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia-105, vỏ màu xanh lơ, bàn phím màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) máy tính xách tay (Laptop) nhãn hiệu SONY-Vaio, màu sơn đen, Model: SVS13AB1GW, 01 (một) bộ sạc điện có dòng chữ SONY; 01 (một) chuột máy tính (Mouse) không dây màu đen cũ đã qua sử dụng.

* Trả lại Ngân hàng A 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Mazda, số loại 3, màu trắng; số máy P520478591; số khung: 4AA6HC077053; biển kiểm soát 15A-363.40; trong cốp không có bất cứ tài sản gì; **(không kiểm tra tình trạng, đặc điểm máy bên trong xe)**; kèm theo 01 (một) chìa khóa, để xử lý thu hồi nợ.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an huyện Bắc Quang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 01/10/2019.

* Buộc bị cáo Nguyễn Xuân P phải nộp số tiền là 714.289.833 đồng (*Bảy trăm mười bốn triệu, hai trăm tám mươi chín nghìn, tám trăm ba mươi ba đồng*), sung vào ngân sách nhà nước.

* Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp tổng số tiền gốc chưa trả đủ cho bị cáo là 573.000.000 đồng (*Năm trăm bảy mươi ba triệu đồng*), để sung vào ngân sách nhà nước gồm những ông, bà sau:

1. Ông Nguyễn Hồng P nộp 10.000.000 đồng;
2. Bà Mai Thị L nộp 15.000.000 đồng;
3. Bà Đỗ Kim L nộp 50.000.000 đồng;
4. Ông Phạm Đức H nộp 27.000.000 đồng;
5. Ông Mai Văn T nộp 11.000.000 đồng;
6. Ông Nguyễn Văn H nộp 50.000.000 đồng;
7. Bà Nguyễn Thị T nộp 70.000.000 đồng;
8. Bà Vương Kiều A nộp 15.000.000 đồng;
9. Bà Nguyễn Thị D nộp 20.000.000 đồng;
10. Ông Nguyễn Văn H1 nộp 20.000.000 đồng;

11. Ông Vương Quốc H nộp 70.000.000 đồng;
12. Bà Đặng Thị T nộp 20.000.000 đồng;
13. Ông Nguyễn Quyết T nộp 10.000.000 đồng;
14. Bà Trương Thị P nộp 40.000.000 đồng;
15. Ông Lý Thành T nộp 30.000.000 đồng;
16. Bà Trịnh Kim D nộp 40.000.000 đồng;
17. Bà Lê Trâm A nộp 20.000.000 đồng;
18. Bà Đoàn Thị L nộp 35.000.000 đồng;
19. Ông Lý Thế H nộp 10.000.000 đồng;
20. Ông Hoàng Minh H nộp 10.000.000 đồng.

* Buộc bị cáo Nguyễn Xuân P phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng số tiền thu lời bất chính là 676.225.167 đồng (*Sáu trăm bảy mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng*) gồm những ông, bà sau:

1. Ông Nguyễn Hồng P là 2.671.333 đồng;
2. Bà Mai Thị L là 14.042.809 đồng;
3. Bà Đỗ Kim L là 23.189.728 đồng;
4. Ông Phạm Đức H là 39.854.453 đồng;
5. Ông Mai Văn T là 15.288.769 đồng;
6. Ông Phạm Ngọc S là 48.554.795 đồng;
7. Ông Nguyễn Văn H là 30.197.261 đồng;
8. Bà Nguyễn Thị T là 28.997.261 đồng;
9. Bà Nguyễn Thị D là 16.472.604 đồng;
10. Bà Phạm Thị T là 4.079.453 đồng;
11. Bà Vương Kiều A là 15.310.275 đồng;
12. Bà Nông Thị Mai A là 5.420.548 đồng;
13. Ông Vũ Đức T là 2.003.425 đồng;
14. Bà Nguyễn Thị D là 12.441.097 đồng;
15. Ông Nguyễn Văn H là 6.402.192 đồng;
16. Ông Nguyễn Văn H1 là 890.411 đồng;
17. Ông Vương Quốc H là 52.806.852 đồng;
18. Bà Đặng Thị T là 21.041.096 đồng;
19. Ông Phạm Thanh Q là 10.133.151 đồng;
20. Ông Vũ Xuân T là 5.884.932 đồng

21. Ông Nguyễn Quyết T là 8.013.699 đồng;
22. Ông Vũ Sơn T là 751.370 đồng;
23. Ông Mạc Đình D là 8.433.426 đồng;
24. Bà Trương Thị P là 43.571.577 đồng;
25. Ông Đinh Hồng H là 8.626.165 đồng;
26. Ông Hoàng Văn B là 1.902.740 đồng;
27. Ông Đào Duy T là 40.547.947 đồng;
28. Ông Lý Thành T là 12.020.548 đồng;
29. Ông Nguyễn Tuấn L là 4.441.096 đồng;
30. Ông Vũ Thế C là 1.758.905 đồng;
31. Ông Dư Vĩnh T là 4.006.850 đồng;
32. Ông Trương Thành K là 23.150.685 đồng;
33. Bà Trịnh Kim D là 56.680.825 đồng;
34. Bà Lê Trâm A là 39.423.288 đồng;
35. Bà Đoàn Thị L là 37.155.480 đồng;
36. Ông Lý Thế H là 5.342.466 đồng;
37. Ông Nguyễn Hồng M là 14.058.220 đồng;
38. Ông Hoàng Minh H là 10.657.535 đồng;

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 31.049.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng số tiền án phí bị cáo phải chịu là 31.249.000 đồng (*Ba mươi một triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a

và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh Hà giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang ;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA hình sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Thị Tư